

CÂU HỎI THI KẾT THÚC HỌC PHẦN MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CSVN

Câu 1: Trình bày nội dung và nguyên nhân thất bại phong trào kháng Pháp của nhân dân ta cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX theo tư tưởng phong kiến và tư sản? Hãy nêu 01 phong trào cụ thể của các sỹ phu yêu nước hướng ứng chiếu cần Vương của vua Hàm Nghi?

Trả lời:

1. Nội dung;

a. Xu hướng tư tưởng phong kiến.

- Phong trào Cần Vương (1885-1896): ngày 13-7-1885, vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương. Phong trào Cần Vương phát triển mạnh ra nhiều địa phương ở Bắc, Trung và Nam kỳ. Ngày 1-11-1888, vua Hàm Nghi bị Pháp bắt nhưng phong trào vẫn tiếp tục phát triển đến cuối năm 1896

- Cuộc khởi nghĩa Yên Thế (Bắc Giang) diễn ra từ 1884 -1913, do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo cũng thất bại.

- Trong chiến tranh thế giới lần thứ I (1914-1918), các cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Pháp của nhân dân Việt Nam vẫn tiếp diễn, nhưng đều không thành công.

Thất bại của các phong trào trên chứng tỏ hệ tư tưởng phong kiến không còn đủ điều kiện để lãnh đạo phong trào yêu nước giải quyết thành công nhiệm vụ dân tộc ở Việt Nam.

*** Liên hệ thực tế: Yêu cầu sinh viên chỉ nêu các nội dung cơ bản như sau:**

- Tên phong trào.
- Thời gian tồn tại của phong trào.
- Lãnh tụ của phong trào.
- Thành quả chủ yếu của phong trào và câu nói nổi tiếng của lãnh đạo phong trào (nếu có)

b. Xu hướng dân chủ tư sản.

Bên cạnh các cuộc khởi nghĩa nêu trên, đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước dưới sự lãnh đạo của các sỹ phu tiến bộ, chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản diễn ra sôi nổi.

* Đại diện cho xu hướng bạo động là Phan Bội Châu, với phong trào Đông Du (1906-1908) dựa vào Nhật để đánh đuổi thực dân Pháp nhưng thất bại.

* Đại biểu cho xu hướng cải cách là Phan Châu Trinh, với chủ trương vận động cải cách văn hoá, xã hội, đã kích bợn vua quan phong kiến thối nát, đề xướng tư tưởng dân chủ tư sản; thực hiện khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh, mở mang dân quyền; phản đối đấu tranh vũ trang và cầu viện bên ngoài.

Hoạt động cách mạng của Phan Châu Trinh đã góp phần thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, về phương pháp, "*cụ Phan Châu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện tư tưởng cải lương...điều đó là sai lầm, chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương*"

- Ngoài ra, trong thời kỳ này ở Việt Nam còn có nhiều phong trào đấu tranh khác như: phong trào Đông Kinh nghĩa thực (1907); phong trào "*tẩy chay Khách trú*" (1919); phong trào chống độc quyền xuất nhập khẩu ở Sài Gòn (1923); đấu tranh trong các Hội đồng quản hạt, Hội đồng thành phố...đòi cải cách tự do, dân chủ

*** Trong phong trào đấu tranh, các tổ chức đảng phái ra đời:**

- Đảng Lập hiến (năm 1923).
- Đảng Thanh niên (tháng 3-1926).
- Đảng Thanh niên cao vọng (năm 1926).
- Việt Nam nghĩa đoàn (năm 1925), sau nhiều lần đổi tên, tháng 7-1918 lấy tên là Tân Việt cách mạng Đảng.
- Việt Nam quốc dân Đảng (tháng 12-1927).

Các đảng phái chính trị tư sản và tiểu tư sản trên đây đã góp phần thúc đẩy phong trào yêu nước chống Pháp, đặc biệt là Tân Việt cách mạng Đảng và Việt Nam quốc dân Đảng.

* Tân Việt cách mạng Đảng ra đời và hoạt động trong bối cảnh Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên phát triển mạnh, đã tác động mạnh mẽ đến Đảng này. Trong nội bộ Đảng diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng: tư tưởng cách mạng vô sản và tư tưởng cải lương. Một số đảng viên tiên tiến của Tân Việt đã chuyển sang Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên để tiến tới thành lập một chính đảng theo chủ nghĩa Mác-Lênin.

* Việt Nam quốc dân Đảng là một đảng chính trị theo xu hướng dân chủ tư sản, mục tiêu hoạt động là: trước làm dân tộc cách mạng, sau làm thế giới cách mạng; đánh đổ giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam quốc dân Đảng bắt đầu từ đêm 9-2-1930 ở Yên Bái trong tình thế hoàn toàn bị động nên đã bị thực dân Pháp nhanh chóng dập tắt.

Tóm lại, các phong trào đấu tranh chống Pháp ở thời kỳ này đều hướng tới giành độc lập cho dân tộc theo các lập trường giai cấp khác nhau nhưng cuối cùng các cuộc đấu tranh đều thất bại.

2. Nguyên nhân:

- Sự thất bại của các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp đã chứng tỏ con đường yêu nước theo hệ tư tưởng phong kiến và hệ tư tưởng tư sản đã bế tắc. Cách mạng Việt Nam lâm vào khủng hoảng sâu sắc về đường lối, về giai cấp lãnh đạo.

-Nhiệm vụ lịch sử đặt ra là phải tìm một con đường cách mạng mới, với một giai cấp có đủ tư cách đại biểu cho quyền lợi của dân tộc, của nhân dân, có đủ uy tín và năng lực để lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ đi đến thành công.

Câu 02: Trình bày nội dung sự chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức của Nguyễn Ái Quốc tiến đến việc thành lập Đảng CSVN ?

Trả lời:

Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam như sau:

- Năm 1911, Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước. Người đã tìm hiểu kỹ các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới. Người đánh giá cao tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái và quyền con người của các cuộc cách mạng tư sản Mỹ (1776), Pháp (1789)... nhưng Người cho rằng các cuộc cách mạng tư sản trên là thiếu triệt để.

- Nguyễn Ái Quốc đặc biệt quan tâm tìm hiểu cuộc cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, Người rút ra kết luận: “Trong thế giới bây giờ chỉ có Cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng nhất”

- Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin đăng trên báo Nhân đạo, Người

tìm thấy trong Luận cương của Lênin chỉ ra con đường giải phóng dân tộc đó là “Cách mạng vô sản” từ đó Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp (12-1920), Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập quốc tế cộng sản III và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người - từ người yêu nước trở thành người cộng sản và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn: “*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*”.

- Từ đây, Nguyễn Ái Quốc xúc tiến truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và chuẩn bị điều kiện để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

. Xuất bản tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (năm 1925).

. Tháng 6-1925, Người thành lập “*Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*”,

. Từ năm 1925 đến năm 1927, *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* đã mở các lớp huấn luyện chính trị cho 75 cán bộ CM.

. Năm 1928, Hội thực hiện chủ trương “*vô sản hoá*”, đưa hội viên vào nhà máy, hầm mỏ, đồn điền để truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, ngoài ra Người còn lựa chọn những thanh niên Việt Nam ưu tú gửi đi học tại trường Đại học Phương Đông (Liên Xô) và trường Lục quân Hoàng Phố (Trung Quốc) nhằm đào tạo cán bộ cho CM Việt Nam.

- Năm 1927, *Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức* xuất bản tác phẩm “*Đường cách mệnh*” với nội dung chủ yếu như sau:

. Tính chất và nhiệm vụ của CM Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc mở đường tiến lên CNXH.

. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng

. Lực lượng cách mạng là giai cấp công - nông

. Muốn thắng lợi thì cách mạng phải có một đảng cộng sản lãnh đạo.. Cách mệnh An Nam là một bộ phận của cách mệnh thế giới.

. Về phương pháp cách mạng, Người nhấn mạnh đến việc phải giác ngộ và tổ chức quần chúng cách mạng.

Tác phẩm *Đường cách mệnh* đã đề cập những vấn đề cơ bản của một cương lĩnh chính trị, chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì vậy, *Đường cách mệnh* có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn đối với cách mạng Việt Nam.

Như vậy đến cuối năm 1929 Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị xong nội dung về chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập Đảng sau này.

Câu 3- Trình bày nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ? Ý nghĩa thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ?

Trả lời:

1- Nội dung Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng

Nội dung cương lĩnh chính trị xác định các vấn đề cơ bản của Cách mạng Việt Nam như sau:

a- Phương hướng chiến lược và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

- *Cách mạng Việt Nam* là cuộc cách mạng: “*tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*”.

- *Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam*

+ Về Chính trị: Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến; làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập; lập chính phủ công nông binh, tổ chức quân đội công nông.

+ Về kinh tế: Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn (như: công nghiệp, vận tải, ngân hàng...) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh quản lý; tịch thu toàn bộ ruộng đất của bọn đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo; bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm tám giờ.

+ Về văn hoá - xã hội: Dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền; phổ thông giáo dục theo công nông hoá.

b- Về lực lượng cách mạng:

Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận công nhân, nông dân, tầng lớp trí; đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản CM thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập hiến ...) thì phải đánh đổ.

c- Về lãnh đạo cách mạng.

Giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam;

d- Về quan hệ của cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới.

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.

2- Ý nghĩa lịch sử sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã tạo nên sự thống nhất về tư tưởng, chính trị và hành động của phong trào cách mạng VN.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, là sự khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam và hệ tư tưởng Mác-Lênin đối với cách mạng Việt Nam, là “*một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử CM Việt Nam.*”

- Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm kết hợp của chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở nước ta.

- Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đã giải quyết được tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng, về giai cấp lãnh đạo cách mạng VN.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một bộ phận của phong trào CM thế giới, đã tranh thủ được sự ủng hộ to lớn của cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại làm nên những thắng lợi vẻ vang. Đồng thời cách mạng Việt Nam cũng góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Câu 4: Trình bày hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng giai đoạn 1939-1945?

Trả lời:

1. Hoàn cảnh:

a- Tình hình thế giới.

- Ngày 1-9-1939, phát xít Đức tấn công Ba Lan, hai ngày sau Anh và Pháp tuyên chiến với Đức, chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ. Phát xít Đức lần lượt chiếm các nước châu Âu. Đế quốc Pháp lao vào vòng chiến. Chính phủ Pháp đã thi hành biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa. Mặt trận nhân dân Pháp tan vỡ. Đảng Cộng sản Pháp bị đặt ra ngoài vòng pháp luật.

- Tháng 6-1940, Đức tấn công Pháp, ngày 22-6-1941 phát xít Đức tấn công Liên Xô. Từ khi phát xít Đức xâm lược Liên Xô, tính chất chiến tranh đế quốc chuyển thành chiến tranh giữa các lực lượng dân chủ do Liên Xô làm trụ cột với các lực lượng phát xít do Đức cầm đầu.

b. Tình hình trong nước

- Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Đông Dương đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật

- Lợi dụng lúc Pháp thua Đức, ngày 22-9-1940 phát xít Nhật đã tiến vào Lạng Sơn, Hải Phòng. Ngày 23-9-1940, tại Hà Nội, Pháp ký hiệp định đầu hàng Nhật. Từ đó nhân dân ta chịu cảnh một cổ bị hai tròng áp bức.

2- **Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược.**

- Một là, đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

BCH Trung ương nêu rõ mâu thuẫn chủ yếu ở nước ta đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với bọn đế quốc phát xít Pháp Nhật. Bởi “*Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được*”.

Để tập trung cho nhiệm vụ của cách mạng lúc này, BCH Trung ương quyết định tạm gác lại khẩu hiệu “*đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày*” thay bằng khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất cho công bằng, và giảm tô, giảm tức

- Hai là, quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh để đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng nhằm mục tiêu GPDT.

Để tập hợp lực lượng cách mạng đông đảo trong cả nước, BCH Trung ương quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, (gọi tắt là Việt Minh) thay cho Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương; đổi tên các Hội phản đế thành Hội Cứu quốc (Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Phụ lão cứu quốc, Thiếu niên cứu quốc...) để vận động, thu hút mọi người dân yêu nước không phân biệt thành phần, lứa tuổi, đoàn kết bên nhau cứu Tổ quốc, cứu giống nòi.

- Ba là, quyết định xúc tiến chuẩn bị tổng khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân ta trong giai đoạn hiện tại.

Để đưa cuộc khởi nghĩa vũ trang đến thắng lợi, cần phải ra sức phát triển lực lượng cách mạng, bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, xúc tiến xây dựng căn cứ địa cách mạng. BCH Trung ương chỉ rõ việc “*chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và dân ta trong giai đoạn hiện tại*”.

3- **Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược.**

- Với tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, BCH Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược nhằm giải quyết mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc, đề ra nhiều chủ trương đúng đắn để thực hiện mục tiêu ấy.

- Đường lối giương cao ngọn cờ GPDT, đặt nhiệm vụ GPDT lên hàng đầu, tập hợp rộng rãi mọi người Việt Nam yêu nước trong Mặt trận Việt Minh, xây dựng lực lượng chính trị quần chúng ở cả nông thôn và thành thị, xây dựng căn cứ địa cách mạng và lực lượng vũ trang, là ngọn cờ dẫn đường cho nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân

- Thực hiện nghị quyết của Đảng và lời kêu gọi của Nguyễn Ái Quốc, các cấp bộ Đảng và Mặt trận Việt Minh đã tích cực xây dựng các tổ chức cứu quốc của quần chúng, đẩy mạnh phát triển lực lượng chính trị và phong trào đấu tranh của quần chúng. Ngày 25-10-1941, Mặt trận Việt Minh tuyên bố ra đời và đã công bố 10 chính sách vừa ích nước vừa lợi dân, nên được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. Trên

cơ sở lực lượng chính trị của quần chúng, Đảng đã chỉ đạo việc vũ trang cho quần chúng cách mạng, từng bước tổ chức, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Từ các đội du kích bí mật, các đội Cứu quốc quân, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã tiến lên lập Việt Nam giải phóng quân.

Câu 5- Phân tích kết quả ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm lịch sử của cuộc cách mạng Tháng 8-1945 ?

Trả lời:

1. Kết quả và ý nghĩa.

- Thắng lợi của cách mạng Tháng Tám đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ, lật nhào chế độ quân chủ hàng mấy nghìn năm và ách thống trị của phát xít Nhật, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người dân của nước độc lập tự do, làm chủ vận mệnh của mình.

- Thắng lợi của CM Tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử dân tộc Việt Nam, đưa dân tộc ta bước vào một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập dân tộc và CNXH.

- Với thắng lợi của cách mạng Tháng Tám, Đảng và nhân dân ta đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, cung cấp thêm nhiều kinh nghiệm quý báu cho phong trào đấu tranh GPDT và giành chính quyền dân chủ.

- Cách mạng Tháng Tám thắng lợi đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân giành độc lập dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá ý nghĩa của CM Tháng Tám: *“Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo CM thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”*.

2. Nguyên nhân thắng lợi.

- CM Tháng Tám nổ ra trong bối cảnh quốc tế thuận lợi: Kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta là phát xít Nhật đã bị Liên Xô và các lực lượng dân chủ thế giới đánh bại. Bọn Nhật ở Đông Dương và tay sai tan rã. Đảng ta đã chớp thời cơ đó phát động toàn dân nổi dậy tổng khởi nghĩa giành thắng lợi nhanh chóng.

- CM Tháng Tám là kết quả tổng hợp của 15 năm đấu tranh gian khổ của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã được rèn luyện qua ba cao trào cách mạng rộng lớn: Cao trào 1930-1931, Cao trào 1936-1939 và Cao trào giải phóng dân tộc 1939-1945. Quần chúng cách mạng được Đảng tổ chức, lãnh đạo và rèn luyện bằng thực tiễn đấu tranh đã trở thành lực lượng chính trị hùng hậu, có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

- CM Tháng Tám thành công là do Đảng ta đã chuẩn bị được lực lượng vĩ đại của toàn dân đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, dựa trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Đảng ta là người tổ chức và lãnh đạo cuộc cTháng Tám. Đảng có đường lối CM đúng đắn, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, đoàn kết thống nhất, nắm đúng thời cơ, chỉ đạo kiên quyết, khôn khéo, biết tạo nên sức mạnhách mạng tổng hợp để áp đảo kẻ thù và quyết tâm lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố chủ yếu nhất, quyết định thắng lợi của cách mạng Tháng Tám. (0.5 đ)

3. Bài học kinh nghiệm

- **Một là**, gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng ta đã xác định nhiệm vụ chống đế quốc và nhiệm vụ chống Phong kiến không thể tách rời nhau. Trải qua ba cao trào các mạng, Đảng ta nhận thức sâu sắc hơn về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ đó và xác định: Tuy hai nhiệm vụ không tách rời nhau nhưng nhiệm vụ chống đế quốc là chủ yếu nhất, nhiệm vụ chống phong kiến phải phục tùng nhiệm vụ chống đế quốc và phải thực hiện từng bước với những khẩu hiệu thích

- **Hai là**, toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công - nông.

Các mạng Tháng Tám thắng lợi là nhờ cuộc đấu tranh yêu nước anh hùng của hơn 20 triệu người Việt Nam. Nhưng cuộc nổi dậy của toàn dân chỉ có thể thực hiện được khi có đạo quân chủ lực là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đảng xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc, động viên toàn dân tổng khởi nghĩa thắng lợi.

- **Ba là**, lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.

Đảng ta đã lợi dụng được mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa phát xít, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và một bộ phận thế lực địa chủ phong kiến, mâu thuẫn trong hàng ngũ nguy quyền tay sai của Pháp và của Nhật, cô lập cao độ kẻ thù chính là bọn đế quốc phát xít và bọn tay sai phản động; tranh thủ hoặc trung lập những phần tử lừng chừng. Như vậy, cách mạng Tháng Tám nhanh gọn, ít đổ máu.

- **Bốn là**, kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.

Trong cách mạng Tháng Tám, bạo lực là sự kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng chính trị với lực lượng mạng vũ trang; kết hợp nổi dậy của quần chúng với tiến công của lực lượng vũ trang cách mạng ở cả nông thôn và thành thị, trong đó vai trò quyết định là các cuộc tổng khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Cách mạng Tháng Tám là kết quả của sự kết hợp tất cả các hình thức đấu tranh kinh tế và chính trị, hợp pháp và không hợp pháp của quần chúng, từ thấp đến cao, từ ở vài địa phương lan ra cả nước, từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa, đập tan bộ máy nhà nước cũ của giai cấp thống trị, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.

- **Năm là**, nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ

Đảng ta coi khởi nghĩa là một nghệ thuật, vừa vận dụng nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin và kinh nghiệm của cách mạng thế giới, vừa tổng kết những kinh nghiệm các cuộc khởi nghĩa ở nước ta. Cách mạng Tháng Tám thắng lợi chứng tỏ Đảng đã chọn đúng thời cơ. Đó là lúc bọn cầm quyền phát xít ở Đông Dương hoang man đến cực độ sau khi Nhật đầu hàng;

- **Sáu là**, xây dựng Đảng Mác-Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Đảng ta ngay từ đầu đã xác định đường lối chiến lược và sách lược cách mạng, không ngừng bổ sung và phát triển đường lối chiến lược và sách lược.

Đảng ta rất coi trọng việc quán triệt đường lối, chủ trương trong đảng viên và quần chúng cách mạng, không ngừng đấu tranh khắc phục những khuynh hướng lệch lạc. Đảng chăm lo công tác tổ chức, cán bộ, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên về ý chí bất khuất, phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng.

Câu 6 – Trình bày hoàn cảnh nước ta sau cách mạng tháng Tám 1945 và nội dung chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” ngày 25-11-1945 của Đảng.

Trả lời:

1. Hoàn cảnh lịch sử nước ta sau cách mạng Tháng 8-1945.

a. Thuận lợi cơ bản.

- Trên thế giới, hệ thống XHCN do Liên Xô đứng đầu được hình thành. Phong trào giải phóng dân tộc có điều kiện phát triển, trở thành một dòng thác cách mạng. Phong trào dân chủ và hoà bình cũng đang vươn lên mạnh mẽ.

- Ở trong nước, chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập, có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở. Nhân dân lao động đã làm chủ vận mệnh của đất nước. Toàn dân tin tưởng và ủng hộ Việt Minh, ủng hộ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

b. Khó khăn nghiêm trọng.

- Hậu quả do chế độ cũ để lại như: nạn đói, nạn dốt rất nặng nề, ngân quỹ quốc gia trống rỗng.

- Kinh nghiệm quản lý đất nước của cán bộ các cấp non yếu.

- Nền độc lập của nước ta chưa được quốc gia nào trên thế giới công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.

- Quân đội các nước đế quốc ồ ạt kéo vào chiếm đóng Việt Nam và khuyến khích bọn Việt gian chống phá chính quyền cách mạng nhằm xoá bỏ nền độc lập và chia cắt nước ta. Nghiêm trọng nhất là quân Anh, Pháp đã đồng lõa với nhau nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, hòng tách Nam bộ ra khỏi Việt Nam.

- “Giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm” là những hiểm họa đối với chế độ mới, vận mệnh dân tộc như “ngàn cân treo sợi tóc”. Tổ quốc lâm nguy.

2- Chủ trương “Kháng chiến kiến quốc” của Đảng.

Trước tình hình mới, Ngày 25-11-1945, BCH Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc”, nội dung là:

- Về chỉ đạo chiến lược, Đảng xác định mục tiêu phải nêu cao của cách mạng Việt Nam lúc này vẫn là *dân tộc giải phóng*, nhưng không phải là giành độc lập mà là giữ vững độc lập.

- Về xác định kẻ thù, “kẻ thù chính của dân tộc ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng”. Vì vậy, phải thống nhất Mặt trận Việt - Miên - Lào.

- Về phương hướng nhiệm vụ, Đảng nêu lên 4 nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách cần khẩn trương thực hiện là: “*củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân*”. Đảng chủ trương kiên trì nguyên tắc thêm bạn bớt thù, thực hiện khẩu hiệu “*Hoa Việt thân thiện*” đối với quân đội Tưởng Giới Thạch và “*độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế*” đối với Pháp.

- Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc có ý nghĩa hết sức quan trọng. Chỉ thị đã xác định đúng kẻ thù chính của dân tộc Việt Nam là thực dân Pháp xâm lược. Đã chỉ ra kịp thời những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược Cách mạng, nhất là nêu rõ hai nhiệm vụ chiến lược mới của Cách mạng Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám là: Xây dựng đi đôi với bảo vệ đất nước. Đề ra những nhiệm vụ, biện pháp cụ thể về đối nội, đối ngoại để khắc phục nạn đói, nạn dốt, chống thù trong giặc ngoài để bảo vệ chính quyền Cách mạng.

Câu 7- Trình bày quá trình hình thành và nội dung đường lối kháng chiến của Đảng ta thời kỳ 1946-1950 ?

Trả lời:

1- Quá trình hình thành và nội dung đường lối kháng chiến.

- Đường lối kháng chiến của Đảng được **hình thành từng bước** qua thực tiễn đối phó với âm mưu, thủ đoạn xâm lược của thực dân Pháp

- Ngày 19-10-1946, BTV Trung ương Đảng mở **Hội nghị Quân sự toàn quốc** lần thứ nhất, do Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì. Xuất phát từ nhận định “*không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp*”, Hội nghị đề ra những chủ trương, biện pháp cụ thể cả về tư tưởng và tổ chức để quân dân cả nước sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới. Trong chỉ thị “*Công việc khẩn cấp bây giờ*” (5-11-1946), Hồ Chí Minh đã nêu lên những việc có tầm chiến lược, toàn cục khi bước vào cuộc kháng chiến và khẳng định lòng tin vào thắng lợi cuối cùng.

2. Nội dung đường lối kháng chiến.

- **Mục đích kháng chiến:** kế tục và phát triển sự nghiệp CM Tháng Tám, “Đánh phần đông thực dân Pháp xâm lược; giành thống nhất và độc lập”.

- **Tính chất kháng chiến:** “Cuộc kháng chiến của dân tộc ta là một cuộc chiến tranh CM của nhân dân, chiến tranh chính nghĩa. Nó có tính chất toàn dân, toàn diện và lâu dài”. “Là một cuộc chiến tranh tiến bộ vì tự do độc lập, dân chủ và hoà bình”. Đó là cuộc kháng chiến có tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới.

- **Chính sách kháng chiến:** “Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phần đông thực dân Pháp. Đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hoà bình. Đoàn kết chặt chẽ toàn dân. Thực hiện toàn dân kháng chiến, phải tự cấp, tự túc về mọi mặt”

- **Chương trình và nhiệm vụ kháng chiến:** “Đoàn kết toàn dân, thực hiện quân, chính, dân nhất trí... Động viên nhân lực, vật lực, tài lực, thực hiện toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, trường kỳ kháng chiến. Giam quyền độc lập, bảo toàn lãnh thổ, thống nhất Trung, Nam, Bắc. Củng cố chế độ cộng hoà dân chủ ... Tăng gia SX, thực hiện kinh tế tự túc”.

- **Phương châm tiến hành kháng chiến:** Tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính

+ Kháng chiến toàn dân: “*tất cả già trẻ, trai gái không phân biệt đảng phái, tôn giáo, hễ là người Việt Nam phải đứng lên đánh thực dân Pháp.*”

+ Kháng chiến toàn diện: đánh địch về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao. Trong đó:

Về chính trị: thực hiện đoàn kết toàn dân, tăng cường xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân; đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hoà bình.

Về quân sự: thực hiện vũ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tiêu diệt địch giải phóng nhân dân và đất đai, thực hiện du kích chiến tiến lên vận động chiến, đánh chính quy, là “*Triệt để dùng du kích, vận động chiến. Bảo toàn thực lực, kháng chiến lâu dài ... Vừa đánh vừa vũ trang thêm; vừa đánh vừa đào tạo thêm cán bộ*”.

Về kinh tế: tiêu thổ kháng chiến, xây dựng kinh tế tự cung, tự cấp, tập trung phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp quốc phòng.

Về văn hoá: xoá bỏ văn hoá thực dân, phong kiến, xây dựng nền văn hoá dân chủ mới theo ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học, đại chúng.

Về ngoại giao: thực hiện thêm bạn bớt thù, biểu dương thực lực. “*Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phản động thực dân Pháp*”. Sẵn sàng đàm phán nếu Pháp công nhận Việt Nam độc lập.

Kháng chiến lâu dài (trường kỳ): là để chống âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp, để có thời gian phát huy yếu tố “*thiên thời, địa lợi, nhân hoà*” của ta, chuyển hoá tương quan lực lượng từ chỗ ta yếu hơn địch đến chỗ ta mạnh hơn địch, đánh thắng địch.

Đưa vào sức mình là chính: “*Phải tự cấp, tự túc về mọi mặt*”, vì ta bị bao vây bốn phía. Khi nào có điều kiện ta sẽ tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, song lúc đó cũng không được ỷ lại.

- **Triển vọng kháng chiến**: mặc dù lâu dài, gian khổ, khó khăn, song **nhất định thắng lợi**.

Đường lối kháng chiến của Đảng với những nội dung cơ bản nêu trên là đúng đắn và sáng tạo, vừa kế thừa được kinh nghiệm của tổ tiên, đúng với các nguyên lý về chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin vừa phù hợp với thực tế đất nước lúc bấy giờ. Đường lối kháng chiến của Đảng được công bố sớm đã có tác dụng đưa cuộc kháng chiến nhanh chóng đi vào ổn định và phát triển đúng hướng, từng bước đi tới thắng lợi vẻ vang.

Câu 8. Trình bày kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta?

Trả lời:

1- Kết quả ý nghĩa thắng lợi

a. Kết quả

- **Ở miền Bắc**, Một chế độ XH mới bước đầu được hình thành. Văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục không những được duy trì mà còn có sự phát triển mạnh. Sản xuất nông nghiệp phát triển, công nghiệp địa phương được tăng cường.

Quân dân miền Bắc đã đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, điển hình là chiến thắng lịch sử của “*Trận Điện Biên Phủ trên không*” trên bầu trời Hà Nội cuối năm 1972. Miền Bắc hoàn thành nhiệm vụ hậu phương lớn đối với chiến trường miền Nam. .

- **Ở miền Nam**, quân dân lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

+ Trong giai đoạn 1954-1960 đã đánh bại cuộc chiến tranh “*đơn phương*”

+ Giai đoạn 1961-1965 đánh bại chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” của Mỹ

+ Giai đoạn 1965-1968, đã đánh bại cuộc “*chiến tranh cục bộ*” chấp nhận đàm phán với ta tại Paris.

+ Giai đoạn 1969-1975 đã đánh bại chiến lược “*Việt Nam hoá chiến tranh*”, giải phóng hoàn toàn miền Nam,

b. Ý nghĩa lịch sử

+ **Đối với nước ta**

- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ đất nước.

- Hoàn thành cuộc CM dân tộc dân chủ trên phạm vi cả nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc ta, kỷ nguyên cả nước hoà bình, thống nhất, cùng chung nhiệm vụ chiến lược, đi lên CNXH. .

- Tăng thêm sức mạnh vật chất, tinh thần, thể và lực cho CM và dân tộc Việt Nam, để lại niềm tự hào sâu sắc và những kinh nghiệm quý cho sự **nghiệp dựng nước** và giữ nước giai đoạn sau. .
- Góp phần quan trọng vào việc nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc Việt Nam trên trường QT. .

+ **Đối với cách mạng thế giới**

- Đã đập tan cuộc phản kích lớn nhất của chủ nghĩa đế quốc vào CNXH và cách mạng thế giới kể từ sau cuộc chiến tranh thế giới II, bảo vệ vững chắc tiền đồn phía Đông Nam Á của CNXH. .
- Làm phá sản các chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, gây tổn thất to lớn và tác động sâu sắc đến nội tình nước Mỹ trước mắt và lâu dài.
- Góp phần làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam Á, mở ra sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới.
- Cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ tự do và hoà bình phát triển của nhân dân thế giới.
- Đánh giá thắng lợi lịch sử của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, *Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng (12-1976)* ghi rõ: “*Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc*”.

2- **Nguyên nhân thắng lợi**

- Có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, đại biểu trung thành cho những lợi ích sống còn của cả dân tộc Việt Nam, một Đảng có đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ, sáng tạo.

- Có cuộc chiến đấu đầy gian khổ hy sinh của nhân dân và quân đội cả nước, đặc biệt là của cán bộ, chiến sĩ và hàng chục triệu đồng bào yêu nước ở miền Nam ngày đêm đối mặt với quân thù, xứng đáng với danh hiệu “*Thành đồng Tổ quốc*”.

- Có công cuộc xây dựng và bảo vệ hậu phương miền Bắc XHCN của đồng bào và chiến sĩ miền Bắc, một hậu phương vừa chiến đấu vừa xây dựng, hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ của hậu phương lớn, hết lòng hết sức chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

- Có tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia và sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các nước XHCN anh em ; sự ủng hộ nhiệt tình của chính phủ và nhân dân tiến bộ trên toàn TG kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ.

3. **Bài học kinh nghiệm**

- *Một là*, đề ra và thực hiện đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ.

- *Hai là*, tin tưởng vào sức mạnh của dân tộc, kiên định tư tưởng chiến lược tiến công, quyết đánh và quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

- *Ba là*, thực hiện chiến tranh nhân dân, tìm ra biện pháp chiến đấu đúng đắn, sáng tạo.

- *Bốn là*, công tác tổ chức thực hiện giỏi của các cấp bộ Đảng trong quân đội, của các ngành, các địa phương, thực hiện phương châm giành thắng lợi từng bước để đi tới thắng lợi hoàn toàn.

- Năm là, coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở cả hậu phương và tiền tuyến; thực hiện liên minh ba nước Đông Dương và tranh thủ tối đa sự đồng tình ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, của nhân dân và chính phủ các nước yêu hoà bình và công lý trên TG

Câu 9: Phân tích mục tiêu, quan điểm về công nghiệp hoá- hiện đại hóa của Đảng trong thời kỳ đổi mới ?

Trả lời:

1- Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Mục tiêu lâu dài của CNH, HĐH là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, QHSX tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của LLSX, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng - an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh

2- Quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Một là, CNH gắn với HĐH và gắn với phát triển kinh tế tri thức.

Đại hội X nhận định: trong thế kỷ XX “khoa học công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển LLSX”. Cuộc cách mạng KH - CN hiện đại tác động sâu rộng tới nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Bên cạnh đó, xu thế hội nhập đã tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với đất nước. Trong bối cảnh đó, cần phải đi tắt, đón đầu, tiến hành CNH rút ngắn thời gian khi biết lựa chọn con đường phát triển kết hợp CNH với HĐH.

- Kinh tế tri thức là gì ? “Kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế , tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống”.

- Hai là, CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế thị trường (KTMT) định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế.

Thời kỳ đổi mới, CNH, HĐH gắn với phát KTMT định hướng XHCN không những khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực trong nền kinh tế mà còn sử dụng chúng có hiệu quả để đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH

- Ba là, lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

CNH, HĐH là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó lực lượng cán bộ khoa học và công nghệ, khoa học quản lý và đội ngũ công nhân lành nghề giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Nguồn nhân lực cho CNH, HĐH đòi hỏi phải đủ số lượng, cân đối về cơ cấu và trình độ, có khả năng nắm bắt và sử dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới có khả năng sáng tạo trong công nghệ mới.

- Bốn là, coi phát triển KH - CN là nền tảng, là động lực của CNH, HĐH.

KH - CN có vai trò quyết định đến năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển kinh tế nói chung. Nước ta tiến lên CNXH từ một nền kinh tế kém phát triển và tiềm lực KH - CN còn ở trình độ thấp. Muốn đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức thì phát triển KH - CN là yêu cầu tất yếu và bức xúc.

- Năm là, Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

Xây dựng CNXH ở nước ta thực chất là nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Để thực hiện mục tiêu đó, trước

hết kinh tế phải phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Chỉ có như vậy mới có khả năng xoá đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Câu 10: Phân tích nội dung những định hướng công nghiệp hóa- hiện đại hóa của Đảng trong thời kỳ đổi mới ?

Trả lời:

1. Đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

- Một là, về CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn:

Nông nghiệp là nơi cung cấp lương thực, nguyên liệu và lao động cho công nghiệp và thành thị, là thị trường rộng lớn của công nghiệp và dịch vụ. Nông thôn chiếm đa số dân cư ở thời điểm khi bắt đầu CNH. Vì vậy, quan tâm đến nông nghiệp, nông dân và nông thôn là một vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu của quá trình CNH.

- Hai là, về quy hoạch phát triển nông thôn:

Khẩn trương xây dựng các quy hoạch phát triển nông thôn, thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Xây dựng các làng, xã, ấp, bản có cuộc sống no đủ, văn minh, môi trường lành mạnh.

Hình thành các khu dân cư đô thị với kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ như: thủy lợi, giao thông, điện, nước sạch, cụm công nghiệp, trường học, trạm y tế, bưu điện, chợ

Phát huy dân chủ ở nông thôn đi đôi với xây dựng nếp sống văn hoá, nâng cao trình độ dân trí, bài trừ các tệ nạn xã hội, hủ tục, mê tín dị đoan, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Ba là, về giải quyết lao động, việc làm ở nông thôn:

Chú trọng dạy nghề, giải quyết việc làm cho nông dân, trước hết ở các vùng sử dụng đất nông nghiệp để xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ, giao thông, các khu đô thị mới. Tạo điều kiện để lao động nông thôn có việc làm trong và ngoài khu vực nông thôn, kể cả lao động nước ngoài.

Đầu tư mạnh hơn cho các chương trình xoá đói giảm nghèo, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

- Một là, đối với công nghiệp và xây dựng:

Khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ chế tác, công nghiệp phần mềm và công nghiệp hỗ trợ có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động;

Tích cực thu hút vốn trong và ngoài nước để đầu tư thực hiện các dự án quan trọng về khai thác dầu khí, lọc dầu và hoá dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, hoá chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng.

Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thủy lợi, cấp thoát nước. Phát triển công nghiệp năng lượng, HĐH bưu chính - viễn thông.

- Hai là, đối với dịch vụ:

Tạo bước phát triển vượt bậc của các ngành dịch vụ, nhất là những ngành có chất lượng cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh, đưa tốc độ phát triển của ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng GDP, như vận tải, thương mại, ngân hàng, bưu chính viễn thông, du lịch.

3. Phát triển kinh tế vùng.

- Một là, có cơ chế, chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước cùng phát triển nhanh hơn trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý của

mỗi vùng và liên vùng, đồng thời tạo ra sự liên kết giữa các vùng nhằm đem lại hiệu quả cao, khắc phục tình trạng chia cắt, khép kín theo địa giới hành chính.

- **Hai là**, xây dựng ba vùng kinh tế trọng điểm ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam thành những trung tâm công nghiệp lớn có công nghệ cao để các vùng này đóng góp ngày càng lớn cho sự phát triển chung của cả nước.

4. Phát triển kinh tế biển.

Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm. Sớm đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh và hợp tác quốc tế.

Hoàn chỉnh quy hoạch và phát triển có hiệu quả hệ thống cảng biển và vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, hải sản, phát triển du lịch biển, đảo. Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp đóng tàu biển, đồng thời hình thành một số hành lang kinh tế ven biển.

5. Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ.

- **Một là**, phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo đến năm 2010 tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp còn dưới 50% lực lượng lao động xã hội.

- **Hai là**, phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với xu thế phát triển nhảy vọt của cách mạng KH - CN. Lựa chọn và đi ngay vào công nghệ hiện đại ở một số ngành, lĩnh vực then chốt,.

- **Ba là**, kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo để thực sự phát huy vai trò quốc sách hàng đầu, tạo động lực đẩy nhanh CNH, HĐH và phát triển kinh tế tri thức.

- **Bốn là**, đổi mới cơ bản cơ chế quản lý khoa học và công nghệ đặc biệt là cơ chế tài chính phù hợp với đặc thù sáng tạo và khả năng rủi ro của hoạt động KH-CN.

6. Bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên.

- **Một là**, tăng cường quản lý tài nguyên quốc gia, Ngăn chặn các hành vi huỷ hoại môi trường, tái chế và xử lý chất thải, ứng dụng công nghệ sạch ít gây ô nhiễm môi trường, tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường .

- **Hai là**, từng bước HĐH công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng - thủy văn, chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn.

- **Ba là**, xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số, phát triển kinh tế và đô thị hoá với bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững.

- **Bốn là**, mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên, chú trọng lĩnh vực quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

Câu 11. Trình bày kết quả ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân thực hiện chủ trương đổi mới CNH-HĐH đất nước của Đảng ?

Trả lời:

1- Kết quả ý nghĩa.

- **Một là**, cơ sở vật chất, kỹ thuật của đất nước được tăng cường đáng kể, khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế được nâng cao. Nhiều công trình quan trọng thuộc kết cấu hạ tầng được xây dựng: sân bay, cảng biển, đường bộ, cầu, nhà máy điện, bưu chính - viễn thông...theo hướng hiện đại.

- **Hai là**, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH đã đạt được những kết quả quan trọng: Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng tăng, tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm

Cơ cấu thị trường đã có sự điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế so sánh của từng vùng.

Cơ cấu thành phần kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế và đan xen nhiều hình thức sở hữu.

Cơ cấu lao động đã có sự chuyển đổi tích cực gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- **Ba là**, những thành tựu của CNH, HĐH đã góp phần quan trọng đưa nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, bình quân từ năm 2000 đến nay đạt trên 7,5%/năm. Điều đó đã góp phần quan trọng vào công tác xoá đói, giảm nghèo. Thu nhập đầu người bình quân hàng năm tăng lên đáng kể.

2- Hạn chế và nguyên nhân.

a. Hạn chế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn thấp so với khả năng và thấp hơn nhiều nước trong khu vực thời kỳ đầu CNH. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng, công nghệ thấp, tiêu hao vật chất cao, sử dụng nhiều tài nguyên, vốn và lao động. Năng suất lao động còn thấp.

- Nguồn lực của đất nước chưa được sử dụng có hiệu quả cao; tài nguyên, đất đai và các nguồn vốn của Nhà nước còn bị lãng phí, thất thoát nghiêm trọng. Nhiều nguồn lực trong dân chưa được phát huy.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm. Trong công nghiệp, các sản phẩm có hàm lượng tri thức cao còn ít. Trong nông nghiệp, sản xuất chưa gắn kết chặt chẽ với thị trường. Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn cao, tỷ trọng lao động qua đào tạo còn thấp.

- Các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy được thế mạnh để đi nhanh vào cơ cấu kinh tế hiện đại. Kinh tế vùng chưa có sự liên kết chặt chẽ, hiệu quả thấp

- Cơ cấu thành phần kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, chưa tạo được đầy đủ môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng phát triển của các thành phần kinh tế.

- Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý. Công tác quy hoạch chất lượng thấp, quản lý kém, chưa phù hợp với cơ chế thị trường.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội vẫn còn lạc hậu, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển KT-XH.

b. Nguyên nhân:

- Nhiều chính sách và giải pháp chưa đủ mạnh để huy động và sử dụng được tốt nhất các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực vào công cuộc phát triển KT – XH.

- Công tác lãnh đạo của Đảng và điều hành của nhà nước chưa tốt

- Cải cách hành chính còn chậm và kém hiệu quả, công tác tổ chức, cán bộ chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu.

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện yếu kém.

- Kết cấu hạ tầng giao thông, nguồn nhân lực còn yếu.

Câu 12: Trình bày mục tiêu, quan điểm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đổi mới của Đảng ta?

Trả lời:

1- Mục tiêu

a- Thể chế kinh tế và thể chế KTTT.

-**Thể chế kinh tế**: Thể chế kinh tế là một hệ thống các quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế.

-**Thể chế kinh tế thị trường** là một tổng thể bao gồm các bộ quy tắc, luật lệ và hệ thống các thực thể, tổ chức kinh tế được tạo lập nhằm điều chỉnh hoạt động giao dịch, trao đổi trên thị trường.

-**Thể chế kinh tế thị trường bao gồm** :

. Các quy tắc về hành vi kinh tế diễn ra trên thị trường – các bên tham gia thị trường với tư cách là các chủ thể thị trường.

. Cách thức thực hiện các quy tắc nhằm đạt được mục tiêu hay kết quả mà các bên tham gia thị trường mong muốn.

. Thị trường – nơi hàng hoá được giao dịch, trao đổi trên cơ sở các yêu cầu, quy định của luật lệ

. KTTT định hướng XHCN là nền kinh tế vừa tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường vừa chịu sự chi phối của các yếu tố đảm bảo tính định hướng XHCN.

b- Mục tiêu hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN.

Những năm trước mắt cần đạt các mục tiêu:

- **Một là**, từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật, Phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước .

- **Hai là**, đổi mới cơ bản mô hình và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công.

- **Ba là**, phát triển đồng bộ, đa dạng các loại thị trường cơ bản thống nhất trong cả nước, từng bước liên thông với thị trường khu vực và thế giới.

- **Bốn là**, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

- **Năm là**, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội và nhân dân trong quản lý, phát triển kinh tế xã hội.

2- Quan điểm về hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN.

- Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện của Việt Nam, đảm bảo định hướng XHCN của nền kinh tế.

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế, giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường, giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội, giữa nhà nước, thị trường và xã hội. Gắn kết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá và bảo vệ môi trường.

- Kế thừa có chọn lọc những thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết thực tiễn đổi mới ở nước ta, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Chủ động, tích cực giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng, bức xúc, đồng thời phải có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết rút kinh nghiệm.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Câu 13 – Trình bày những chủ trương của Đảng về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ?

Trả lời :

1- Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. (0.25đ)

Một số điểm cần thống nhất là: Chúng ta cần thiết sử dụng kinh tế thị trường làm phương tiện xây dựng CNXH; kinh tế thị trường định hướng XHCN là nền kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa chịu sự chi phối bởi các quy luật của CNXH và các yếu tố đảm bảo tính định hướng XHCN.

2- Hoàn thiện thể chế về sở hữu và các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh.

a. Hoàn thiện thể chế về sở hữu.

- Khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân mà đại diện là nhà nước, đồng thời đảm bảo và tôn trọng các quyền của người sử dụng đất.

- Tách biệt vai trò của nhà nước với tư cách là bộ máy công quyền quản lý toàn bộ nền kinh tế xã hội với vai trò chủ sở hữu tài sản, vốn của nhà nước; tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của nhà nước với chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. .

- Quy định rõ, cụ thể về quyền của chủ sở hữu và những người liên quan đối với các loại tài sản. Đồng thời quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của họ đối với xã hội. **.(0.25đ)**

- Ban hành các quy định pháp lý về quyền sở hữu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. .

b. Hoàn thiện thể chế về phân phối

- Hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách về phân bổ nguồn lực, phân phối và phân phối lại theo phương hướng đảm bảo tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. .

- Đổi mới, phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế. .

- Đổi mới, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác theo cơ chế thị trường, theo nguyên tắc: tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, cùng có lợi và phát triển cộng đồng. .

- Đổi mới cơ chế quản lý của nhà nước để các đơn vị sự nghiệp công lập phát triển mạnh mẽ, có hiệu quả. .

3- Hoàn thiện thể chế đảm bảo đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường.

- Hoàn thiện thể chế về giá, cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh. Hoàn thiện khung pháp lý cho ký kết và thực hiện hợp đồng. Đồng thời hoàn thiện cơ chế giám sát, điều tiết thị trường và xúc tiến thương mại, đầu tư và giải quyết tranh chấp phù hợp với kinh tế thị trường và cam kết quốc tế.

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách cho hoạt động và phát triển lành mạnh của thị trường chứng khoán, tăng tính minh bạch, chống các giao dịch phi pháp, các hành vi rửa tiền, nhiễu loạn thị trường.

- Xây dựng đồng bộ luật pháp, cơ chế, chính sách quản lý, hỗ trợ các tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ.

4- Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường.

- Thực hiện chính sách khuyến khích làm giàu đi đôi với tích cực thực hiện giảm nghèo, đặc biệt ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc và các căn cứ cách mạng trước đây

- Xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội đa dạng và linh hoạt phù hợp với yêu cầu của kinh tế thị trường định hướng XHCN. Phát triển đa dạng các hình thức tổ chức tự nguyện, nhân đạo, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, chăm sóc các đối tượng bảo trợ xã hội

- Hoàn thiện luật pháp, chính sách về bảo vệ môi trường, chế tài đủ mạnh đối với các trường hợp vi phạm, xử lý triệt để những điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và ngăn chặn không để phát sinh thêm.

5- Hoàn thiện thể chế về vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện ở chỗ chỉ đạo nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để xác định rõ, cụ thể và đầy đủ hơn mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN, đặc biệt những nội dung định hướng XHCN để tạo ra sự đồng thuận trong xã hội.

- Đổi mới và nâng cao vai trò, hiệu lực quản lý kinh tế của nhà nước. Vai trò quản lý của nhà nước thể hiện rõ ở chỗ phát huy mặt tích cực và hạn chế, ngăn ngừa mặt trái của cơ chế thị trường, tạo điều kiện thuận lợi để nền kinh tế thị trường phát triển theo định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả.

- Các tổ chức dân cư, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp và nhân dân có vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Để phát huy vai trò của họ, nhà nước phải tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để các tổ chức và nhân dân tham gia tích cực và có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi, giám sát thực hiện luật pháp, các chủ trương phát triển kinh tế xã hội.

Câu 14- Phân tích kết quả và ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân trong việc thực hiện đường lối đổi mới của Đảng chuyển đổi từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ?

Trả lời :

1- Kết quả và ý nghĩa.

- **Một là**, sau hơn 25 năm đổi mới, nước ta đã chuyển đổi thành công từ thể chế kinh tế kế hoạch tập trung quan liêu, bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đường lối đổi mới của Đảng đã được thể chế hoá thành pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho nền kinh tế thị trường định hướng XHCN hình thành và phát triển

- **Hai là**, chế độ sở hữu với nhiều hình thức và cơ cấu kinh tế nhiều thành phần được hình thành: từ sở hữu toàn dân và tập thể, từ kinh tế quốc doanh và hợp tác xã là chủ yếu đã chuyển sang nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế đan xen, hỗn hợp, trong đó sở hữu toàn dân những tư liệu sản xuất chủ yếu và kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

- **Ba là**, các loại thị trường cơ bản đã ra đời và từng bước phát triển thống nhất trong cả nước, gắn với thị trường khu vực và thế giới. Cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước đã và đang đi vào cuộc sống thay cho cơ chế kế hoạch hoá tập trung. Các doanh nghiệp, doanh nhân được tự chủ sản xuất kinh doanh, cạnh tranh

lành mạnh. Quản lý nhà nước về kinh tế được đổi mới từ can thiệp trực tiếp bằng mệnh lệnh hành chính vào hoạt động sản xuất kinh doanh sang quản lý bằng pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH và các công cụ điều tiết vĩ mô khác.

- **Bốn là**, việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, xoá đói, giảm nghèo đạt nhiều kết quả tích cực.

Sau hơn 25 năm đổi mới, thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN đã hình thành và từng bước hoàn thiện, thay cho thể chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp. Thể chế kinh tế mới đã đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả tích cực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, khắc phục được khủng hoảng kinh tế xã hội, tạo ra những tiền đề cần thiết đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH và sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.

2- Hạn chế và nguyên nhân.

a. Hạn chế

- Quá trình xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách chưa đầy đủ, chưa đồng bộ và thống nhất. Vấn đề sở hữu, quản lý và phân phối trong doanh nghiệp nhà nước chưa giải quyết tốt, gây khó khăn cho sự phát triển và thất thoát tài sản nhà nước nhất là khi cổ phần hoá. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác còn bị phân biệt đối xử. Việc xử lý các vấn đề liên quan đến đất đai còn nhiều vướng mắc. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường hình thành, phát triển chậm, thiếu đồng bộ, vận hành chưa thông suốt. Thị trường tài chính, bất động sản, khoa học và công nghệ phát triển chậm, quản lý nhà nước đối với các loại thị trường còn nhiều bất cập. Phân bổ nguồn lực quốc gia chưa hợp lý. Cơ chế "xin - cho" chưa được xoá bỏ triệt để. Chính sách tiền lương còn mang tính bình quân.

- Cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành của bộ máy nhà nước còn nhiều bất cập, hiệu quả, hiệu lực quản lý còn thấp. Cải cách hành chính chậm, chưa đạt yêu cầu mục tiêu đề ra. Tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu vẫn nghiêm trọng.

- Cơ chế, chính sách phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội đổi mới chậm, chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục, đào tạo còn thấp. Khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư và các vùng ngày càng lớn. Hệ thống an sinh xã hội còn sơ khai. Nhiều vấn đề bức xúc trong xã hội và bảo vệ môi trường chưa được giải quyết tốt.

b. Nguyên nhân

- Việc xây dựng thể chế kinh tế định hướng XHCN là vấn đề hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ trong lịch sử. Nhận thức về KTTT định hướng XHCN còn nhiều hạn chế do công tác lý luận chưa theo kịp đòi hỏi của thực tiễn.

- Năng lực thể chế hoá và quản lý, tổ chức thực hiện của nhà nước còn chậm, nhất là trong việc giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc.

- Vai trò tham gia hoạch định chính sách thực hiện và giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp còn yếu.

Câu 15 – Phân tích chủ trương của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới? Hệ thống chính trị ở trường Cao đẳng Kinh tế- Tài chính Vĩnh Long gồm có những tổ chức chính trị xã hội nào?

Trả lời:

1. Xây dựng Đảng trong HTCT

- Về phương thức lãnh đạo, Cương lĩnh năm 1991 xác định: “Đảng lãnh đạo xoi bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú, có năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị”

- Về vị trí, vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị, Cương lĩnh năm 1991 xác định: “Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy.

- Đối mới phương thức lãnh đạo của Đảng tiến hành đồng bộ với đổi mới các mặt của công tác xây dựng Đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đồng bộ với đổi mới kinh tế, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN thích ứng với những đòi hỏi của quá trình CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

- Đối mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải trên cơ sở kiên định nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ;

- Đối mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị là công việc hệ trọng, đòi hỏi phải chủ động, tích cực, có quyết tâm chính trị cao, đồng thời cần thận trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, vừa rút kinh nghiệm.

- Đối mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị ở mỗi cấp, mỗi ngành vừa phải quán triệt các nguyên tắc chung, vừa phải phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành.

2. Xây dựng Nhà nước trong hệ thống chính trị

a. Đặc điểm nhà nước XHCN :

- Đó là nhà nước của dân, do dân và vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm cho Hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

- Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam do một đảng duy nhất lãnh đạo, có sự giám sát của nhân dân, có sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên của Mặt trận.

b. Biện pháp xây dựng nhà nước XHCN:

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, hoàn thiện cơ chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu quốc hội. Đổi mới quy trình xây dựng luật, giảm mạnh việc ban hành pháp lệnh. Thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức, hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại.

- Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người. Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong phạm vi được phân cấp.

3. Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội trong HTCT

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các tổ chức chính trị xã hội thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội.

- Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Thanh niên. Luật Công đoàn..., Quy chế dân chủ ở mọi cấp để Mặt trận, các tổ chức chính trị xã hội và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị.

- Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội, khắc phục tình trạng hành chính hoá, phô trương, hình thức; nâng cao chất lượng hoạt động; làm tốt công tác dân vận theo phong cách trọng dân, gần dân, học dân và có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin

4. Hệ thống chính trị trường CD. Kinh tế-Tài chính VL gồm có:

- Đảng ủy; BGH; Đoàn thanh niên; Công đoàn; Hội Cựu chiến binh.

Câu 16 . Phân tích những chủ trương của Đảng ta về xây dựng nền văn hóa XHCN trong thời kỳ đổi mới ?

Một là, văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển của KT-XH. Quan điểm này chỉ rõ chức năng, vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của văn hoá đối với sự phát triển xã hội.

- Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội

Văn hoá phản ánh và thể hiện một cách tổng quát, sống động mọi mặt của cuộc sống diễn ra trong quá khứ cũng như đang diễn ra trong hiện tại, qua hàng bao thế kỷ nó đã cấu thành nên một hệ thống các giá trị, truyền thống và lối sống mà trên đó từng dân tộc tự khẳng định bản sắc riêng của mình.

- Văn hoá là động lực thúc đẩy sự phát triển.

Nguồn lực nội sinh của sự phát triển của một dân tộc thắm sâu trong văn hoá. Sự phát triển của một dân tộc phải vươn tới cái mới, tiếp nhận cái mới, tạo ra cái mới, nhưng lại không tách khỏi cội nguồn. Phát triển phải dựa trên cội nguồn, bằng cách phát huy cội nguồn của mỗi quốc gia dân tộc là văn hoá.

Trong vấn đề bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững, văn hoá giúp hạn chế lối sống chạy theo ham muốn quá mức của “xã hội tiêu thụ” dẫn đến chỗ làm cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường sinh thái.

- Văn hoá là một mục tiêu của phát triển

Mục tiêu xây dựng một xã hội Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh” chính là mục tiêu văn hoá.

Chiến lược phát triển KT-XH 1991-2000 xác định “Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người” đồng thời nêu rõ yêu cầu “Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường

Để làm cho văn hoá trở thành động lực và mục tiêu của sự phát triển, chúng ta chủ trương phát triển văn hoá phải gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển KT-XH.

- Văn hoá có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người và xây dựng xã hội mới.

Việc phát triển KT-XH cần đến nhiều nguồn lực khác nhau: tài nguyên thiên nhiên, vốn... Những nguồn lực này đều có hạn chế và có thể bị khai thác cạn kiệt. Chỉ có tri thức con người mới là nguồn lực vô hạn, có khả năng tái sinh và tự sinh không bao giờ cạn kiệt.

Hai là, nền văn hoá mà chúng ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH theo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người.

Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị truyền thống bền vững của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp qua hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước.

Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống những cái lạc hậu, lỗi thời trong phong tục tập quán và lễ thói cũ.

Ba là, nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

54 dân tộc trên đất nước ta đều có những giá trị và bản sắc văn hoá riêng. Các giá trị và sắc thái đó bổ sung cho nhau, làm phong phú nền văn hoá Việt Nam củng cố sự thống nhất dân tộc.

Bốn là, Xây dựng và phát triển nền văn hoá là sự nghiệp chung của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

Thực hiện quốc sách này chúng ta chủ trương:

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, phương pháp dạy và học; thực hiện “*chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá*”, chấn hưng nền giáo dục Việt Nam.

- Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học;

- Đổi mới mạnh mẽ trong giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.

- Phát triển mạnh mẽ hệ thống giáo dục nghề nghiệp, tăng nhanh quy mô đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề cho các khu công nghiệp, các vùng kinh tế động lực và cho việc xuất khẩu lao động.

- Đổi mới hệ thống giáo dục đại học và sau đại học, gắn đào tạo với sử dụng, trực tiếp phục vụ chuyển đổi cơ cấu lao động, phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là chuyên gia đầu ngành.

- Bảo đảm đủ số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ở tất cả các cấp học, bậc học.

- Thực hiện XH hoá giáo dục. Huy động nguồn lực vật chất và trí tuệ của XH tham gia chăm lo sự nghiệp giáo dục.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo. Tiếp cận chuẩn mực giáo dục tiên tiến của thế giới phù hợp với yêu cầu phát triển của VN;

- Phát triển khoa học xã hội, tiếp tục góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về con đường đi lên CNXH ở nước ta.

- Phát triển nhanh khoa học tự nhiên và KH-CN, tập trung nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, đặc biệt các lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu và thế mạnh.

- Đổi mới cơ chế quản lý KH-CN. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực KH-CN.

Năm là, văn hoá là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hoá là một sự nghiệp Cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí Cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

Câu 17. Trình bày những chủ trương của Đảng trong việc giải quyết các vấn đề xã hội trong thời kỳ đổi mới ?

Trả lời:

Một là, Khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xoá đói giảm nghèo.

Tạo cơ hội, điều kiện cho mọi người tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển.

Tạo động lực làm giàu trong đông đảo dân cư bằng tài năng, sáng tạo của bản thân, trong khuôn khổ pháp luật và đạo đức cho phép.

XD và thực hiện có hiệu quả cao chương trình xoá đói giảm nghèo; đề phòng tái đói, tái nghèo; nâng cao dần chuẩn đói nghèo khi mức sống chung tăng lên

Hai là, bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng.

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng; phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm.

Đa dạng hoá các loại hình cứu trợ xã hội, tạo nhiều việc làm ở trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội. Đổi mới chính sách tiền lương; phân phối thu nhập xã hội công bằng, hợp lý.

Ba là, phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả .

Hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; quan tâm chăm sóc y tế tốt hơn đối với các đối tượng chính sách; phát triển các dịch vụ y tế công nghệ cao, các dịch vụ y tế ngoài công lập.

Bốn là, xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khoẻ và cải thiện giống nòi.

Quan tâm chăm sóc sức khoẻ sinh sản. Giảm nhanh tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng. Đẩy mạnh công tác bảo vệ giống nòi, kiên trì phòng chống HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội.

Năm là, thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.

Giảm tốc độ tăng dân số, bảo đảm quy mô và cơ cấu dân số hợp lý.

Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; bảo đảm bình đẳng giới; chống nạn bạo hành trong quan hệ gia đình.

Sáu là, chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội.

Bảy là, đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung cấp các dịch vụ công cộng.

Câu 18. Trình bày nội dung đánh giá của Đảng ta về kết quả, hạn chế và nguyên nhân trong việc thực hiện đường lối đổi mới về chính sách phát triển xã hội ? Hãy nêu 04 chủ trương hoặc chương trình ủng hộ người nghèo ở nước ta hiện nay

Trả lời:

1. Kết quả:

Sau hơn 25 năm đổi mới, nhận thức về phát triển xã hội của Đảng và nhân dân ta đã có những thay đổi có ý nghĩa bước ngoặt quan trọng sau đây:

- Từ tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước và tập thể, trông chờ viện trợ đã chuyển sang tính năng động, chủ động và tích cực xã hội của tất cả các tầng lớp dân cư.

- Từ chỗ đề cao quá mức lợi ích của tập thể một cách chung chung, trừu tượng; thi hành chế độ phân phối theo lao động trên danh nghĩa nhưng thực tế là bình quân - cào bằng đã từng bước chuyển sang thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp các nguồn lực khác vào SX-KD và thông qua các phúc lợi xã hội. Nhờ vậy, công bằng xã hội được thể hiện ngày một rõ hơn.

- Từ chỗ không đặt đúng tầm quan trọng của chính sách xã hội trong mối quan hệ tương tác với chính sách kinh tế đã đi đến thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội.

- Từ chỗ Nhà nước bao cấp toàn bộ trong việc giải quyết việc làm đã dần dần chuyển trọng tâm sang thiết lập cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế và người lao động đều tham gia tạo việc làm.

- Từ chỗ không chấp nhận có sự phân hoá giàu - nghèo đã đến khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xoá đói giảm nghèo, coi việc có một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển.

- Từ chỗ muốn nhanh chóng xây dựng một cơ cấu xã hội “thuần nhất” chỉ còn có giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức đã đi đến quan niệm cần thiết xây dựng một cộng đồng xã hội đa dạng, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh.

2. Hạn chế :

- Áp lực gia tăng dân số vẫn còn lớn. Chất lượng dân số vẫn còn thấp đang là cản trở lớn đối với mục tiêu phát triển KT-XH và hội nhập kinh tế quốc tế. Vấn đề việc làm rất bức xúc và nan giải .

- Sự phân hoá giàu-nghèo và bất công xã hội tiếp tục gia tăng đáng lo ngại

- Tệ nạn xã hội gia tăng và diễn biến rất phức tạp, gây thiệt hại lớn về kinh tế và an sinh xã hội.

- Môi trường sinh thái bị ô nhiễm tiếp tục tăng thêm; tài nguyên bị khai thác bừa bãi và tàn phá.

- Hệ thống giáo dục, y tế lạc hậu, xuống cấp, có nhiều bất cập; an sinh xã hội chưa được bảo đảm.

3. Nguyên nhân :

- Tăng trưởng kinh tế còn tách rời mục tiêu và chính sách xã hội, chạy theo số lượng, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển bền vững xã hội.

- Quản lý xã hội còn nhiều bất cập, không theo kịp sự phát triển KT-XH.

4. Liên hệ thực tế: SV chỉ cần nêu tên, nội dung cơ bản của phong trào, cụ thể:

- Quỹ quốc gia giải quyết việc làm 120, hỗ trợ vốn sản xuất cho các gia đình nghèo.

- Chương trình “ Ánh sáng niềm tin” của Đài Phát thanh truyền hình VL, hỗ trợ tiền cho những HSSV nghèo hiếu học.

- Chương trình “ Cùng vượt lên chính mình” của Đài PT-TH Vĩnh long, hỗ trợ tiền cho các gia đình nghèo.

- Chương trình “ Địa chỉ nhân đạo” của Đài PT-TH Vĩnh long, hỗ trợ cho các gia đình nghèo.

Câu 19: Phân tích chủ trương, chính sách của Đảng về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế trong thời kỳ đổi mới?.

Trả lời:

Công tác đối ngoại của Đảng đã đề ra một số chủ trương, chính sách lớn như sau:

- *Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định bền vững:* Hội nhập sâu sắc và đầy đủ vào nền kinh tế thế giới, nước ta sẽ có địa vị bình đẳng với các thành viên khác khi tham gia vào việc hoạch định chính sách thương mại toàn cầu, thiết lập một trật tự kinh tế mới công bằng hơn; có điều kiện thuận lợi để đấu tranh bảo vệ quyền lợi doanh nghiệp Việt Nam trong các cuộc tranh chấp thương mại với các nước khác, hạn chế được những thiệt hại trong hội nhập kinh tế quốc tế.

- *Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp:* Chủ động và tích cực xác định lộ trình hội nhập hợp lý, trong đó cần tận dụng các ưu đãi mà WTO dành cho các nước đang phát triển và kém phát triển; chủ động và tích cực nhưng phải hội nhập từng bước, dần dần mở cửa thị trường theo một lộ trình hợp lý. .

- *Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với các nguyên tắc, quy định của WTO:* Bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật; đa dạng hoá các hình thức sở hữu, phát triển kinh tế nhiều thành phần; thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường; xây dựng các sắc thuế công bằng, thống nhất, đơn giản, thuận tiện cho mọi chủ thể kinh doanh. .

- *Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy nhà nước:* kiên quyết loại bỏ nhanh các thủ tục hành chính không còn phù hợp; đẩy mạnh phân cấp gắn với tăng cường trách nhiệm và kiểm tra, giám sát; thực hiện công khai, minh bạch mọi chính sách, cơ chế quản lý. .

- *Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế:* Nâng cao năng lực điều hành của Chính phủ; tích cực thu hút đầu tư nước ngoài để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế; các doanh nghiệp điều chỉnh quy mô và cơ cấu sản xuất trên cơ sở xác định đúng đắn chiến lược sản phẩm và thị trường; điều chỉnh quy hoạch phát triển, nhanh chóng có biện pháp nâng cao sức cạnh tranh của một số sản phẩm. .

- *Giải quyết tốt các vấn đề văn hóa xã hội và môi trường trong quá trình hội nhập:* Bảo vệ và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc trong quá trình hội nhập; xây dựng cơ chế kiểm soát và chế tài xử lý sự xâm nhập của các sản phẩm và dịch vụ văn hoá không lành mạnh, kết hợp hài hoà giữa giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống với tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hoá tiên tiến. Xây dựng và vận hành có hiệu quả mạng lưới an sinh xã hội như: giáo dục, bảo hiểm, y tế; đẩy mạnh công tác xoá đói, giảm nghèo; .

- *Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh trong quá trình hội nhập:* Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, có các phương án chống lại âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. .

- *Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại:* Tạo cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân nhằm tăng cường hiệu quả của hoạt động đối ngoại. .

- *Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại:* Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tập trung xây dựng cơ sở đảng trong các doanh nghiệp và xây dựng giai cấp công nhân trong điều kiện mới;

đẩy mạnh xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân, trọng tâm là cải cách hành chính. .

Câu 20. Trình bày thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân thực hiện mở rộng đường lối đối ngoại của Đảng trong thời kỳ đổi mới?

Trả lời:

a- Thành tựu và ý nghĩa.

- **Một là**, phá thế bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- **Hai là**, giải quyết hoà bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan.

Đã đàm phán thành công với Malaixia về giải pháp “*gác tranh chấp, cùng khai thác*” ở vùng biển chồng lấn giữa hai nước. Thu hẹp diện tranh chấp vùng biển giữa nước ta và các nước ASEAN. Đã ký với Trung Quốc *Hiệp ước về phân định biên giới trên bộ, Hiệp định phân Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác về nghề cá.*

- **Ba là**, mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá.

Lần đầu tiên trong lịch sử, Việt Nam có quan hệ chính thức với tất cả các nước lớn, kể cả 5 nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc;

Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 169 nước trong tổng số hơn 200 nước trên thế giới. Tháng 10-2007, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã bầu Việt Nam làm uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2008-2009.

- **Bốn là**, tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế

Năm 1993, Việt Nam khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như: Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB); sau khi gia nhập ASEAN (7-1995) Việt Nam đã tham gia *Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA)*, tháng 3-1996, tham gia *Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM)* với tư cách là thành viên sáng lập; tháng 11-1998, gia nhập tổ chức *Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC)*, ngày 11-1-2007, Việt Nam được kết nạp làm thành viên thứ 150 của *Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)*.

- **Năm là**, thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường, tiếp thu KH-CN và kỹ năng quản lý.

+ **Về mở rộng thị trường**: Nước ta đã tạo dựng được quan hệ kinh tế thương mại với trên 180 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có 74 nước áp dụng quy chế tối huệ quốc; thiết lập và ký kết hiệp định thương mại hai chiều với gần 90 nước và vùng lãnh thổ. Hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo cơ hội để nước ta tiếp cận những thành tựu của cuộc Cách mạng KH-CN trên thế giới, nhiều kinh nghiệm quản lý sản xuất hiện đại.

- **Sáu là**, từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh.

Trong quá trình hội nhập, nhiều doanh nghiệp đã đổi mới công nghệ, đổi mới quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng, không ngừng vươn lên trong cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Những kết quả trên đây có ý nghĩa rất quan trọng: đã tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài kết hợp với các nguồn lực trong nước hình thành sức mạnh tổng hợp góp phần đưa đến những thành tựu kinh tế to lớn góp phần giữ vững và củng cố độc lập, tự chủ, định hướng XHCN;

b- hạn chế và nguyên nhân.

- Trong quan hệ với các nước, nhất là các nước lớn, chúng ta còn lúng túng, bị động. Chưa xây dựng được quan hệ lợi ích đan xen, tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước.

- Một số chủ trương, cơ chế, chính sách chậm được đổi mới so với yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế; hệ thống luật pháp chưa hoàn chỉnh, không đồng bộ, gây khó khăn trong việc thực hiện các cam kết của các tổ chức kinh tế quốc tế.

- Chưa hình thành được một kế hoạch tổng thể và dài hạn về hội nhập kinh tế quốc tế và một lộ trình hợp lý cho việc thực hiện các cam kết.

- Doanh nghiệp nước ta hầu hết quy mô nhỏ, yếu kém cả về quản lý và công nghệ; trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, trình độ trang thiết bị lạc hậu; kết cấu hạ tầng và các ngành dịch vụ cơ bản phục vụ SX - KD đều kém phát triển và có chi phí cao hơn các nước khác trong khu vực.

- Đội ngũ cán bộ lĩnh vực đối ngoại nhìn chung chưa đáp ứng được nhu cầu cả về số lượng và chất lượng; cán bộ doanh nghiệp ít hiểu biết về luật pháp quốc tế, về kỹ thuật kinh doanh.

Quá trình thực hiện đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 1986 đến năm 2011, mặc dù còn những hạn chế, nhưng những thành tựu đạt được là cơ bản, có ý nghĩa rất quan trọng; góp phần đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng KT-XH, nền kinh tế Việt Nam có bước phát triển mới; thế và lực của Việt Nam được nâng cao trên thương trường và chính trường quốc tế. Các thành tựu đối ngoại trong hơn 25 năm qua đã chứng minh đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới là đúng đắn và sáng tạo.

- HẾT -